

KẾ HOẠCH **GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022– 2023**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành tổng thể Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 356/PGDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Phòng GD&ĐT huyện Minh Long về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Long Sơn Khóa XIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Dựa vào tình hình thực tế của đơn vị, trường tiểu học Long Sơn xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 với những nội dung cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022

1. Những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện Minh Long; Đảng uỷ, UBND xã Long Sơn và đặc biệt là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện cùng với sự phối hợp tích cực hiệu quả của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong xã.

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn luôn nhiệt tình, đoàn kết, nhất trí trong mọi hành động, luôn tâm huyết vì sự phát triển chung của nhà trường.

- Cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy và học.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn ủng hộ nhiệt tình trong công tác giáo dục của nhà trường.

1.2. Khó khăn

- Địa bàn dân cư rộng, nhiều thôn cách điểm trường trung tâm quá xa (*thôn Gò Tranh, thôn Gò Chè Trên*) nên việc đưa đón các em học sinh đi học gặp nhiều khó

khẩn nhất là vào mùa mưa.

- Một số hộ gia đình còn khó khăn trong cuộc sống, lo làm ăn kinh tế, thiếu sự quan tâm tới việc chăm lo giáo dục các con...điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Kết quả đạt được trong năm học 2021-2022

- Chi bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng “Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ”.
- Trường đạt danh hiệu “ Tập thể Lao động Tiên tiến" và Ủy ban nhân dân huyện khen.
- Công đoàn đạt “ Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ”.
- Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp huyện.
- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở 01 đ/c.
- Ủy ban Nhân dân huyện khen 05 đ/c.
- Lao động tiên tiến đạt 22/27 đ/c; tỉ lệ 82%.
- Học sinh HTCTTH đạt 91/91; tỉ lệ 100%.
- Học sinh HTCTLH đạt 491/513, đạt 95,7%.
- Học sinh Hoàn thành xuất sắc (Học sinh xuất sắc): 127/513 em đạt 24,8%.
- Học sinh vượt trội, Học sinh tiêu biểu (Hoàn thành tốt): 37/513 em đạt 7,2%.

3. Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng học tập của học sinh chưa cao, nhất là các em học sinh lớp 1.
- Một số giáo viên chưa mạnh dạn, chưa linh hoạt tiếp cận, áp dụng phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Giải pháp hỗ trợ HS chậm tiến bộ đạt hiệu quả chưa cao.
- Công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh chưa được thường xuyên.

4. Nguyên nhân

- Tình hình dịch bệnh covid-19 luôn diễn biến phức tạp và kéo dài; Trẻ em 6 tuổi người dân tộc thiểu số toàn xã Long Sơn trước khi vào học lớp 1 chưa được tham gia học lớp Tập nói tiếng Việt trong hè 2021.
- Vẫn còn một vài GV còn thụ động chưa phát huy tốt năng lực chuyên môn trong dạy học; giải pháp hỗ trợ học sinh chậm tiến chưa hiệu quả.
- Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của BGH, các tổ khối chưa thường xuyên, đôi lúc thiếu cương quyết.
- Nhiều PHHS đi làm ăn xa nên GVCN không liên lạc được hoặc công tác phối hợp giữa PH và GV chưa đạt hiệu quả.

5. Biện pháp khắc phục

- Tổ chức dạy tập nói Tiếng Việt cho trẻ em 6 tuổi người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp 1 trong hè 2022.

- Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức nghề nghiệp về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ; tăng cường hơn nữa công tác chủ nhiệm lớp.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc giảng dạy của GV; đồng thời tăng cường kiểm tra hỗ trợ chuyên môn, có giải pháp hỗ trợ HS chậm tiến, giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc và kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót của GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022 – 2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

1.1. Điều kiện tự nhiên

***Vị trí địa lý**

Xã Long Sơn là một xã miền núi cách trung tâm huyện lỵ khoảng 10 km, nằm phía Tây Bắc. Tổng diện tích tự nhiên là 7.545,35 ha, gồm có 8 thôn đó là thôn Gò Tranh, Yên Ngựa, Diên Sơn, Gò Chè, Đồng Tròn (*Lạc Hạ + Xà Tôn*), Sơn Châu, Biều Qua, Lạc Sơn. Vị trí của xã như sau:

- Phía Đông giáp xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành.
- Phía Tây giáp xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà.
- Phía Nam giáp xã Long Môn, xã Thanh An và xã Long Mai.
- Phía Bắc giáp xã Hành Nhân (Nghĩa Hành), xã Nghĩa Sơn (Tur Nghĩa).

1. 2. Kinh tế - xã hội

- Long Sơn là xã miền núi, điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, có dân số: 1.382 hộ, 5.557 nhân khẩu, tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 80 % dân số của xã.

- Do thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, thiên tai bão lũ gây ra bất thường làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của người dân.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022-2023

2.1. Tình hình học sinh của trường

- Năm học 2022-2023 trường có 21 lớp với 524 học sinh, trong đó dân tộc Hrê 450 em; nữ 239 ; nữ dân tộc 203 học sinh; Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 : 106/106 em; đạt tỉ lệ 100%.

Khối	Số lớp	Số HS	DT Hrê	Nữ	Nữ DT	BQ Số HS/lớp	Tuyển mới	HS KT	Con Hộ nghèo	Con cận nghèo	Ghi chú
Một	6	129	113	53	47	21,5	106		20	0	
Hai	4	77	61	34	29	19,25			9	4	
Ba	4	107	94	58	49	26,75			15	5	
Bốn	4	109	99	53	46	27,25			15	5	
Năm	3	102	83	41	32	34			12	5	
Cộng	21	524	450	239	203	128,75	106	0	71	19	

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường

Về số lượng: Tổng số CBGVNV kể cả hợp đồng: 34 đ/c cụ thể:

Thành phần	Tổng số	trình độ CM cao nhất					Trung cấp LLCT	Đảng viên	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Ghi chú
		Trên ĐH	ĐH	CD	TH	khác						
CBQL	2	1	1				2	2	1	2		
Giáo viên	GVCB	21		8	13			6	9	15	5	HD 05 Đại học
	MT	1		1					1	1		
	ÁN	1		1					1	1		
	Tin học	1		1				1	1	1		
	Thế dục	2		2					1	1	1	HD 01 Đại học
	T. Anh	2		2				1	2	2		
	TPT Đội	1		1				1	1	1		
Tổng cộng	29	0	16	13	0	0	1	9	15	22	6	
Nhân viên	Kế toán	1		1					1	1		
	Văn thư	1		1				1	1	1		
	Thư viện	0										
	Y tế	0										
	Bảo vệ	1					1				1	HD
Tổng cộng	3	0	2	0	0	1		1	2	2	1	
Tổng toàn trường	34	1	19	13	0	1	3	12	18	27	7	7 Hợp đồng

- Về chất lượng

- Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên một số đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó trên chuẩn và đạt chuẩn 16/31 đạt 51,6 % ; Hiện nay nhiều GV đang học Đại học để đạt chuẩn.

- Có năng lực công tác tốt, giảng dạy có chất lượng, tinh thần trách nhiệm cao. Hàng năm được bồi dưỡng, học tập thường xuyên, để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Số lượng đảng viên là 12/27 biên chế chiếm tỷ lệ 44,8%.

2.3. Về cơ sở vật chất

Đảm bảo đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày. Tất cả các phòng học đã được tu sửa nên đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường, cụ thể:

Điểm trường	Phòng học VH	Nghệ thuật	Tin học	Tiếng Anh	Đội	HT	PHT	Phòng Hội đồng/hội trường	Y tế	Thư viện /VT	Thiết bị	Công đoàn	Kế toán	Phòng học có tivi
Trung tâm	19	0	1	1	1	1	2	1	0	1	1	0	1	8
Gò Tranh (Gò Nay)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	21	0	1	1S	1	1	2	1	0	1	1	0	1	8

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023

1. Mục tiêu chung

1.1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19¹ và Kế hoạch tổng thể của ngành giáo dục thích ứng với tình hình dịch Covid-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng².

1.2. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 đối với lớp 4, lớp 5; tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương; tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch đăng ký tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông, chú trọng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 4 trong năm học 2023 - 2024 nhất là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học; đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 4 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; chú trọng phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; phấn đấu bảo đảm học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và hướng đến thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

1.5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học³ theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1.6. Phát huy tốt công tác xã hội hoá giáo dục; tăng cường công tác phối hợp vận động HS ra lớp và thực hiện tốt phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Năm học 2022-2023 là năm học toàn ngành giáo dục tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì và nâng cao chất lượng giáo dục

¹ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19.

² Kế hoạch số 353/KH-BGDĐT ngày 29/3/2022.

³ Thực hiện đổi mới quản lý, quản trị trường học được quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GD&ĐT huyện để xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành CTGDPT cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Là năm học thứ ba triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) từ lớp 1 đến lớp 3; Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4 đến lớp 5.

Đối với lớp 5, tiếp tục thực hiện Công văn số 441/PGDĐT ngày 08/9/2021 của Phòng GDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để học tốt lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông. *(Điều chỉnh theo 405 của bộ GD)*

2.2. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

2.3. Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Phòng GDĐT tại Công văn số 148/PGDĐT ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học tiếng Anh lớp 1, 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020 – 2021.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học cho học sinh theo Công văn số 263/PGDĐT ngày 05/9/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học cấp tiểu học năm học 2019-2020.

- Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học- Công nghệ bắt buộc cho học sinh lớp 3 từ năm học 2022 - 2023 bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.4. Chủ động xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương, triển khai áp dụng Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 1, lớp 2 và lớp 3. Khi xây dựng kế hoạch, cần chú ý lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các nội dung lồng ghép khác như học thông qua chơi, giáo dục ATGT, BVMT, QPAN... trong dạy học.

2.5. Từng bước tham mưu cấp trên bổ sung GV để đảm bảo đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình quy định đến năm 2030; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tiếp tục tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 theo chương trình GDPT 2018 cho năm học 2023-2024.

2.6. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

2.7. Chỉ tiêu:

2.7.1. Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục (Bảng đính kèm)

2.7.2. Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực (Bảng đính kèm)

2.7.3. Chỉ tiêu học sinh hoàn thành chương trình lớp học và HTCTTH

- Hoàn thành chương trình lớp học (Lớp 1,2,3 và 4): $403 / 422 = 95,5\%$.

- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: $102/102 = 100\%$.

- 100% học sinh trường học 02 buổi/ngày, 8-9 buổi/tuần.

- 100% HS lớp 1-5 được học môn Tiếng Anh, trong đó lớp 1, 2, 3 học môn Tiếng Anh theo CTGDPT 2018, đối với lớp 3 tiếng Anh là môn học bắt buộc.

2.7.4. Chỉ tiêu khen thưởng cuối năm học 2022-2023

+ Số học sinh Xuất sắc: HS hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: 110 em ; tỷ lệ: 20,9% (Khối 1: 22 em, khối 2: 25 em; khối 3 : 26 em; khối 4: 19 em; khối 5: 18 em).

+ Số học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện, HS có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất: 30 em; tỷ lệ 5,7%.

+ Số học sinh lớp 5 hoàn thành xuất sắc toàn khóa: 6 em; tỷ lệ: 5,9 %.

V. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Đính kèm phụ lục 1.1)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(Đính kèm phụ lục 1.2)

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với GD mầm non, giáo dục phổ thông và GD thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Thời gian biểu hàng ngày được tập thể thống nhất như sau:

BUỔI	TIẾT	THỜI GIAN
	1	7 giờ 00 phút - 7 giờ 40 phút

Sáng	2	7 giờ 45 phút – 8 giờ 25 phút
	THỜI DỤC GIỮA GIỜ	
	3	8 giờ 45 phút – 9 giờ 25 phút
	4	9 giờ 30 phút – 10 giờ 15 phút
NGHỈ TRƯA		
Chiều	1	13 giờ 30 phút – 14 giờ 10 phút
	2	14 giờ 15 phút – 14 giờ 55 phút
	NGHỈ GIỮA GIỜ	
	3	15 giờ 20 phút – 16 giờ 00 phút

4. Thực hiện chương trình năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục năm học 2022-2023, cụ thể:

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

4.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

(Phụ lục 2 kèm theo)

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện đúng kế hoạch khung thời gian năm học

Thực hiện nghiêm túc Quyết định 1074/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với GD mầm non, GD phổ thông và GD thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Đầu năm học nhà trường tiến hành rà soát, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu; tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học đã được đầu tư. Khai thác các nguồn lực để từng bước đầu tư các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục (nếu có) để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học,...chuẩn bị tốt cho đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Tích cực tham mưu tăng cường bổ sung CSVC: **Khối phòng học tập** như: Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, bộ môn Khoa học và phòng đa chức năng; **Khối phòng hỗ trợ học tập** như : Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật hòa nhập, phòng truyền thống; **Khối phòng phụ trợ như:** Phòng Y tế trường học, phòng nghỉ giáo viên.

3. Phát triển đội ngũ GV, CBQL đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp

- Xây dựng, củng cố đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị

tốt nguồn nhân lực cho việc Tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Tham gia và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Hàng năm nhà trường làm tốt công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực. Động viên giáo viên tham gia học nâng cao trình độ đáp ứng chuẩn GV Tiểu học theo Luật GD năm 2019. Tổ chức cho giáo viên đăng ký tự học, tự bồi dưỡng, học các mô đun bồi dưỡng thường xuyên hàng năm theo hướng dẫn của Sở, Phòng GD&ĐT huyện để tự hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

4. Thực hiện tốt quy chế hoạt động chuyên môn

4.1. Sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức, tham gia hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường, cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn chia sẻ kỹ thuật dạy học. Các buổi sinh hoạt chuyên đề có kế hoạch cụ thể, phân công người dạy thể nghiệm, người báo cáo hoặc thể nghiệm chuyên đề, lưu trữ hồ sơ đầy đủ. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả việc bồi dưỡng, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ sau mỗi lần sinh hoạt chuyên môn. Hàng năm tổ chức sinh hoạt chuyên môn chuyên đề ít nhất 3 lần/ 3 tổ và sinh hoạt chuyên môn theo NCBH 3-4 lần/3 tổ. Việc tổ chức Sinh hoạt đảm bảo theo Công văn số 186/SGDDĐT-GDTH ngày 06/5/2020 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4.2. Tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với đội ngũ giáo viên dạy lớp 3 năm học 2022- 2023

Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của Sở, phòng. Triển khai kế hoạch tập huấn của các cấp cho các đối tượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đối tượng thực hiện chương trình hiện hành đối với các lớp 4, 5 phù hợp với thực tế của nhà trường.

4.3. Các hoạt động giáo dục

4.3.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Năm học 2022-2023 nhà trường đã chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 320/PGDDĐT ngày 30/6/2021 của Phòng GDĐT, tất cả kế hoạch đều trình ban giám hiệu phê duyệt theo khối trước khi thực hiện, qua đó mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt/chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình môn học.

Thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày lập kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khóa biểu phù hợp theo hướng tăng quyền chủ động cho giáo viên, đồng thời bố trí các tiết dạy hợp lý, phù hợp tâm sinh lý học sinh với phương châm “nhẹ nhàng - tự

hiệu quả”, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Đảm bảo yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; chuẩn KT-KN và phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương theo Công văn chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện về thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 1,2, 3.

Thực hiện dạy học lồng ghép hoạt động học thông qua chơi, lồng ghép giáo dục An toàn giao thông từ khối 1 đến 5 đảm bảo phù hợp thực tế khối, lớp.

Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh theo CTGDPT 2018.

Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Chú trọng lồng ghép GD đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn, Đội để giáo dục học sinh một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức tốt tiết đọc thư viện và các nội dung sinh hoạt theo chủ đề tháng.

4.3.2. Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày

- Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở các khối lớp, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết học 35 -40 phút, 8 buổi đối với lớp 1,2; 9 buổi lớp 3, 4, 5.

- Đảm bảo thực hiện đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp; thời gian vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng ý thức và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

+ Các hoạt động GD trong các giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục do Bộ ban hành.

+ Các hoạt động giáo dục ngoài chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng tránh các tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, giáo dục kỹ năng sống,...được tổ chức để học sinh trải nghiệm thông qua các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học nhằm giúp HS phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

4.3.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động GD tập thể (HĐNGLL)

a. Hoạt động trải nghiệm toàn trường trong tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần

- Thời gian: Sáng thứ 2 hàng tuần (35 tiết/năm).

- Nội dung:

+ Tổ chức giáo dục các kỹ năng sống theo tình hình thực tế của trường từng thời điểm diễn ra trong tuần hiện tại.

+ Tổ chức các hoạt động giao lưu: Giao lưu Tiếng Anh; giao lưu văn nghệ; giao lưu đọc sách; giao lưu kể chuyện đạo đức,...

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về An toàn giao thông; phòng chống tai nạn thương tích; về xây dựng trường học an toàn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; giáo dục truyền thống yêu nước, xây dựng đạo đức học đường.

+ Tổ chức các hoạt động giao lưu năng khiếu: múa, hát, kể chuyện, đọc thơ,...

+ Tổ chức giao lưu Trò chơi dân gian.

- Thành phần tham gia:

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS tham gia.

+ Mời thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh tham dự.(nếu có)

b. Tổ chức tiết sinh hoạt lớp (35 tiết/năm/lớp)

- Thời gian tổ chức: GV chủ nhiệm tổ chức vào tiết Sinh hoạt lớp cuối tuần.

- Nội dung tổ chức chú trọng hình thành các năng lực phẩm chất cho học sinh.

c. Hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm

- Đối với lớp 1,2,3: Thực hiện hoạt động giáo dục theo chủ đề (*35 tiết/năm/lớp*)

- Đối với lớp 4,5: Hoạt động trải nghiệm gồm 9 chủ đề dạy trong 27 tiết kết hợp với tài liệu Giáo dục An toàn giao thông gồm 5 bài dạy trong 5 tiết và 3 tiết ôn tập kiểm tra, đánh giá cuối năm (*tổng 35 tiết/năm/lớp*).

+ Tài liệu giáo dục an toàn giao thông dạy trong các tuần: 1, 2,3,4 và 5.

+ Hoạt động trải nghiệm dạy trong các tuần còn lại, đến tuần 35.

- Ngoài các tiết học theo quy định đối với các khối lớp, nhà trường giao cho Tổng phụ trách đội chủ động phối hợp với GV chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục tập thể (*Phụ lục 1.2*).

- Câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, CLB TĐTT để thực hiện trong năm học, cụ thể: Mỗi tháng vào chiều thứ 4 (của tuần thứ 2, 4) tổ chức hoạt động GD tập thể và Câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, CLB TĐTT.... Nội dung tổ chức gồm các hoạt động giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực HS.

4.3.4. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Tiếp tục thực hiện Đề án “ Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025”.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh qua các hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ; sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học nhằm tăng cường, hỗ trợ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh; tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học dưới nhiều hình thức:

tổ chức ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, giao lưu “Tiếng Việt của chúng em”, tổ chức các tiết đọc tại thư viện;... cho học sinh DTTS.

- Xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh qua các hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục. Đối với lớp 1,2, 3 tập trung tối đa thời lượng để dạy tiếng Việt và tăng cường tiếng Việt cho học sinh.

- Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GV về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS. Phát huy giao lưu tiếng Việt trong nhà trường (*hạn chế HS sử dụng tiếng Hré*). Đồng thời, làm tốt công tác xã hội hoá nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS; tham mưu với chính quyền địa phương thực hiện chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn nhằm động viên, khích lệ học sinh chuyên cần tới trường, đảm bảo quyền bình đẳng của học sinh.

4.3.5. Công tác thư viện, thiết bị trường học

- Tiếp tục thực hiện Công văn 43/PGDĐT ngày 25/01/2021 của Phòng GDĐT về việc tổ chức hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020-2021.

- Duy trì và nhân rộng mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, trong đó đảm bảo thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch cho HS mượn sách để đọc nhằm khuyến khích, hình thành và tạo thói quen đọc sách cho các em.

***Đối với tiết đọc thư viện:** Từ lớp 1-5 giáo viên tổ chức dạy tiết đọc thư viện kết hợp trong tiết sinh hoạt lớp hàng tuần, vì vậy GV cần chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch dạy học đối với tiết đọc thư viện sao cho phù hợp thực tế của lớp.

- Quản lý, bảo quản và có kế hoạch cho GV mượn sử dụng thiết bị dạy học trong nhà trường đảm bảo an toàn hiệu quả.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. (nếu có)

Hiện nay toàn trường không có HS khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học- Công nghệ

6.1. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ(Tiếng Anh)

- Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Phòng GDĐT (*Công văn số 148/PGDĐT ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học tiếng Anh lớp 1, 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020 - 2021*).

- Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học – Công nghệ bắt buộc cho học sinh lớp 3 từ năm học 2022 - 2023 bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học theo hướng dẫn của Phòng GDĐT (*Công văn số*

187/PGDDĐT ngày 09/5/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 đối với cấp tiểu học).

- Đối với lớp 4 và lớp 5 tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình GD phổ thông 2006 và Chương trình thí điểm Tiếng Anh cấp tiểu học.

- Hiện nay nhà trường có 2 GV dạy Tiếng Anh để đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của trường nên nhà trường đã tổ chức dạy Tiếng Anh theo chương trình tự chọn, lớp 1- 2 dạy 1 tiết/tuần; lớp 3 chương trình bắt buộc dạy 4 tiết/tuần; lớp 4, 5 dạy học 2 tiết/tuần.

6.2. Dạy học môn Tin học- công nghệ

- Đối với lớp 3 môn Tin học và Công nghệ là môn học bắt buộc cho học sinh lớp 3 từ năm học 2022 - 2023 được thực hiện 2 tiết/tuần, việc thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập.

- Đối với lớp 4-5 Tổ chức thực hiện dạy học môn Tin học 2 tiết/tuần.

7. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

- Đã triển khai áp dụng Tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh Quảng Ngãi đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện cần tăng cường sưu tầm, tận dụng các thiết bị, dụng cụ, các công cụ lao động, vật liệu sẵn có tại địa phương thiết kế các mô hình, tiểu cảnh, các không gian xanh phù hợp để áp dụng dạy học tài liệu giáo dục địa phương tích hợp Hoạt động trải nghiệm một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, tạo hứng thú cho học sinh qua mỗi tiết học góp phần phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

8. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

8.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới; triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột, thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; vận dụng phương pháp “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp.

8.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Đối với học sinh lớp 4, lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT.

- Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập (Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ).

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT từ năm học 2022 - 2023 (*Riêng môn tiếng Anh dạy tự chọn không dùng kết quả để đánh giá xếp loại HS*).

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo HS chậm tiến

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập, khuyến khích các em tham gia các hoạt động tập thể như múa hát, vẽ, bóng đá, bóng chuyền... để phát triển năng khiếu của bản thân.

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn có trách nhiệm thường xuyên bồi dưỡng, phụ đạo HS chậm tiến thông qua các tiết dạy chính khoá, các tiết luyện tập buổi hai; các giờ hướng dẫn tự học. Trong mỗi bài soạn giáo viên cần thiết kế một số câu hỏi, bài tập nhằm hỗ trợ HS chậm tiến; phát triển tư duy, sáng tạo, mở rộng kiến thức cho HS năng khiếu.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, khối qua đó xây dựng kế hoạch và đề xuất, chia sẻ những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- Ngoài ra đối với HS có năng khiếu về môn Toán, tiếng Việt; môn Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC giáo viên bộ môn phối hợp với GVCN, phụ huynh học sinh tổ chức bồi dưỡng thêm ngoài giờ lên lớp theo khối lớp hoặc vào chiều thứ 4 hàng tuần (Tuần không sinh hoạt CM, sinh hoạt tập thể).

- Dự kiến phân công giáo viên phụ trách bồi dưỡng HS năng khiếu:

Khối	Môn học	Giáo viên phụ trách	Ghi chú
2	Toán	Huỳnh Thị Vy	Tổ trưởng khối 1;
	Tiếng Việt	Huỳnh Thị Thủy	Tổ trưởng khối 2, 3
3	Toán	Huỳnh Thị Thủy	Tổ trưởng khối 2, 3;
	Tiếng Việt	Nguyễn Thị Luân	Tổ Phó khối 2,3
4	Toán	Nguyễn Hoàng Nam	Tổ Phó khối 4, 5

	Tiếng Việt	Phạm Văn Thi	
5	Toán	Nguyễn Tấn Dur	Tổ trưởng khối 4, 5
	Tiếng Việt	Nguyễn Thị Cẩm Thuyên	
2-5	Âm nhạc	Hoàng Thị Thanh	
2-5	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Đông Thuyên	
2-5	GDTC-HĐTN	Nguyễn Thị Thúy Phan Ngọc Hậu	
4-5	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Kiều Oánh	
		Nguyễn Thị Diệu Linh	
4-5	Tin học	Võ Thị Mỹ Lệ	

10. Hoạt động Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

Tham mưu cho Hiệu trưởng để quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

Thiết kế, tổ chức chương trình hoạt động cho đội viên, học sinh trong nhà trường theo kế hoạch của Ngành GD&ĐT và theo chương trình công tác Đội của Hội đồng Đội các cấp

Vận động, phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để xây dựng tổ chức Đội trong nhà trường ngày càng vững mạnh.

11. Duy trì, nâng cao chất lượng PCGDTH

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-Cp, ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD-XMC và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt PCGD-XMC.

- Phấn đấu duy trì đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt Xóa mù chữ mức độ 1.

12. Công tác kiểm định CLGD và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia

- Tổ chức thực hiện KĐCLGD và kiểm tra công nhận trường TH đạt chuẩn Quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 2/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Tiếp tục duy trì KĐCLGD đạt Mức 2 và trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

VII. CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC

1. Về chính trị tư tưởng

- 100% CBGVNV có tư tưởng lập trường vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, tác phong gương mẫu.

- 100% CBGVNV tham gia học tập, quán triệt các NQ của Đảng, Nghị quyết các cấp và pháp luật của Nhà nước.

- 100% CBGVNV thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2020, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương

đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- 100% CBGVNV thực hiện tốt phong trào thi đua xây dựng “ Trường học thân thiện, học sinh tích cực”

- Tiếp tục bồi dưỡng và giới thiệu cho chi bộ xem xét đề nghị kết nạp vào Đảng những Đoàn viên Công đoàn (ĐVCD) ưu tú.

- 100% ĐVCD thực hiện tốt các phong trào thi đua của LĐLĐ huyện và của ngành giáo dục. 100% Nữ ĐVCD thực hiện tốt các phong trào thi đua “ *Giỏi việc trường đảm việc nhà*”.

- Chỉ tiêu về xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông và theo chuẩn hiệu trưởng.

+ Loại Tốt: 5/25 đ/c, tỷ lệ 20%

+ Loại Khá: 20/25 đ/c, tỷ lệ 80%.

+ Loại Đạt: 0/25 đ/c, tỉ lệ 0%.

- Chỉ tiêu về xếp loại theo NĐ 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

+ Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 3/27 đ/c, tỉ lệ 11,1% .

+ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: 24/27 đ/c, tỉ lệ 88,9%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 0 đ/c, tỷ lệ 0%

2. Về chuyên môn

- 100% GV thực hiện tốt quy chế chuyên môn.

- 100% GV đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định khi lên lớp.

- 100% CB-GV tham gia tập huấn do các cấp và trường tổ chức.

- 100% CB-GV tham gia sinh hoạt chuyên đề thiết thực; hiệu quả.

- 100% CB-GV tham gia học bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch.

- 100% CB-GV được đánh giá Hoàn thành công tác BDTX

- Kiểm tra nội bộ (*kiểm tra toàn diện*) : 10 GV, Tốt 05 GV tỉ lệ 50,0%; Khá 5 GV tỉ lệ 50,0 %.

- Kiểm tra nội bộ (*kiểm tra chuyên đề*) : 10 GV, Tốt 05 GV tỉ lệ 50,0%; Khá 05 GV tỉ lệ 25,0%(kiểm tra nề nếp lớp; chất lượng HS hoặc kiểm tra việc dạy học của GV...).

- Kiểm tra nội bộ (*kiểm tra đột xuất*) : 4 GV, Tốt 01 GV tỉ lệ 25,0%; Khá 03 GV tỉ lệ 75,0%.

- Kiểm tra hồ sơ GV: 2 lần/năm : Tốt 12/23 tỉ lệ 52,2%, Khá 11/23 tỉ lệ 47,8 %.

- Kiểm tra hồ sơ các tổ khối 2 lần/năm: Tốt chiếm tỉ lệ 75%, Khá 25%.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề 3 lần / 3 tổ / năm học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo NCBH 3 lần/ 3 tổ/ năm học

- Tổ chức chuyên đề “Diễn đàn chia sẻ kỹ thuật dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục HS” .

- Giáo viên tham gia dự giờ đồng nghiệp ít nhất 8 lần/ năm học.

- Tham gia Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 10-15 đ/c, Phần đầu đạt 100%; cấp huyện tham gia 5 đ/c, phần đầu đạt 100%.

3. Đối với học sinh

- Tổ chức Ngày Hội học sinh tiểu học cấp trường.

- Ngoài ra tham gia đầy đủ các hội thi khác do huyện tổ chức.

4. Đăng ký thi đua, khen thưởng năm học 2022-2023

+ Về cá nhân:

- Lao động tiên tiến: 28 người.

- Chiến sĩ TĐCS: 02 người.

- UBND huyện khen: 08 người.

+ Về tập thể:

- Tập thể LĐ tiên tiến.

- UBND huyện và UBND tỉnh khen.

- Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp huyện và Liên đội xuất sắc cấp tỉnh.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ và hoạt động giáo dục của HS.

- Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ban hành Quyết định thành lập tổ chuyên môn; Quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đối với lớp 1, 2, 3; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên; Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4 đến lớp 5.

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 8 buổi /tuần đối với lớp 1-2 (*vì thực tế trường đang thiếu giáo viên*); 9 buổi /tuần đối với lớp 3,4, 5.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể (NGLL); hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học cấp trường.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; có giải pháp đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với đối tượng HS đặc biệt giải pháp hỗ trợ HSCT; Tham mưu tháo gỡ những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1,2,3 và CTGDPT năm 2006 đối với lớp 4,5.

- Dự giờ, góp ý, chia sẻ rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

- Kiểm tra, đánh giá giáo viên trong tổ.

4. Giáo viên

- Thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, xây dựng kế hoạch dạy học; kế hoạch bài dạy, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

- Quản lý học sinh trong tất cả các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục HS của lớp phụ trách.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự,

uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

- Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của lãnh đạo nhà trường; nhận nhiệm vụ do BGH phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của BGH và các cấp quản lý giáo dục.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho HS.

5. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đảm bảo hiệu quả.

- Xây dựng, triển khai các hoạt động giáo dục tập thể (HĐNGLL), hoạt động trải nghiệm.

- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường;

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

- Thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho HS.

6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Phối hợp với Tổng phụ trách Đội tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 của Trường TH Long Sơn. Kế hoạch này sẽ được thông qua tại Hội nghị viên chức, người lao động đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện ./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (Đề b/c);

- Các tổ CM (đề t/h)

- Lưu: VT.

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Diên Vị

1/ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục Khối 1

TT	Nội dung giáo dục	TSHS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL (%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Toán	129	45	34.9	66	51.2	18	14.0
2	Tiếng việt	129	45	34.9	66	51.2	18	14.0
3	Đạo đức	129	59	45.7	70	54.3		0.0
4	Tự nhiên và Xã hội	129	52	40.3	77	59.7		0.0
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	129	59	45.7	70	54.3		0.0
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	129	49	38.0	80	62.0		0.0
7	GDTC	129	67	51.9	62	48.1		0.0
8	Tiếng Anh	129	47	36.4	66	51.2	16	12.4
9	HĐTN	129	57	44.2	72	55.8		0.0

Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục Khối 2

TT	Nội dung giáo dục	TSHS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL (%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Toán	77	29	37,7	48	62,3		
2	Tiếng việt	77	29	37,7	48	62,3		
3	Đạo đức	77	40	51,9	37	48,1		
4	Tự nhiên và Xã hội	77	40	51,9	37	48,1		
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	77	40	51,9	37	48,1		
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	77	40	51,9	37	48,1		
7	GDTC	77	38	49,4	39	50,6		
8	Tiếng Anh	77	30	39,0	47	61,0		
9	HĐTN	77	38	49,4	39	50,6		

Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục Khối 3

TT	Nội dung giáo dục	TSHS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL (%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Toán	107	34	31,8	73	68,2		
2	Tiếng việt	107	32	29,9	75	70,1		
3	Đạo đức	107	43	40,2	64	59,8		
4	Tự nhiên và Xã hội	107	43	40,2	64	59,8		
5	Âm nhạc	107	49	45,8	58	54,2		
6	Mĩ thuật	107	45	42,1	62	57,9		
7	Thủ công	107	42	39,3	65	60,7		
8	Thể dục	107	42	39,3	65	60,7		
9	Tiếng Anh	107	40	37,4	67	62,6		
10	Tin học	107	40	37,4	67	62,6		
11	HĐTN	107	42	39,3	65	60,7		

Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục Khối 4

TT	Nội dung giáo dục	TSHS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL (%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Toán	109	26	23,9	83	76,1	0	
2	Tiếng việt	109	26	23,9	83	76,1	0	
3	Đạo đức	109	32	29,4	77	70,6	0	
4	Khoa học	109	29	26,6	80	73,4	0	
5	Lịch sử và Địa lí	109	29	26,6	80	73,4	0	
6	Âm nhạc	109	28	25,7	81	74,3	0	
7	Mĩ thuật	109	28	25,7	81	74,3	0	
8	Kỹ thuật(lớp 4,5)	109	27	24,8	82	75,2	0	
9	Thể dục	109	28	25,7	81	74,3	0	
10	Tiếng Anh	109	23	21,1	86	78,9	0	
11	Tin học	109	24	22,0	85	78,0	0	
12	HĐTN+GDATGT	109	29	26,6	80	73,4	0	

Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục Khối 5

TT	Nội dung giáo dục	TSHS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL (%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Toán	102	21	20,6	81	79,4		
2	Tiếng việt	102	23	22,5	79	77,5		
3	Đạo đức	102	23	22,5	79	77,5		
4	Khoa học	102	24	23,5	78	76,5		
5	Lịch sử và Địa lí	102	24	23,5	78	76,5		
6	Âm nhạc	102	22	21,6	80	78,4		
7	Mĩ thuật	102	22	21,6	80	78,4		
8	Kỹ thuật(lớp 4,5)	102	24	23,5	78	76,5		
9	Thể dục	102	22	21,6	80	78,4		
10	Tiếng Anh	102	21	20,6	81	79,4		
11	Tin học	102	22	21,6	80	78,4		
12	HĐTN+GDATGT	102	24	23,5	78	76,5		

2/ CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực đối với Khối 1

Nội dung đánh giá		TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Phẩm chất (5 PC)	1. Yêu nước	129	129	100.0	0	0.0		
	2. Nhân ái	129	129	100.0	0	0.0		
	3. Chăm chỉ	129	45	34.9	84	65.1		
	4. Trung thực	129	129	100.0	0	0.0		
	5. Trách nhiệm	129	45	34.9	84	65.1		
Năng lực chung (3 NL)	1. Tự chủ và tự học	129	45	34.9	84	65.1		
	2. Giao tiếp và hợp tác	129	46	35.7	83	64.3		
	3. GQVĐ và sáng tạo	129	42	32.6	87	67.4		
Năng lực đặc thù (7 NL)	1. Năng lực Ngôn ngữ	129	45	34.9	66	51.2	18	14.0
	2. Năng lực Tính toán	129	45	34.9	66	51.2	18	14.0
	3. Năng lực Khoa học	129	46	35.7	83	64.3		
	4. Năng lực Thẩm mỹ	129	50	38.8	79	61.2		
	5. Năng lực Thể chất	129	47	36.4	82	63.6		
	6. Năng lực Công nghệ	0			0			
	7. Năng lực Tin học	0			0			

Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực đối với khối 2

Nội dung đánh giá		TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Phẩm chất (5 PC)	1. Yêu nước	77	77	100,0	0	0,0		
	2. Nhân ái	77	77	100,0	0	0,0		
	3. Chăm chỉ	77	47	61,0	30	39,0		
	4. Trung thực	77	77	100,0	0	0,0		
	5. Trách nhiệm	77	48	62,3	29	37,7		
Năng lực chung (3 NL)	1. Tự chủ và tự học	77	45	58,4	32	41,6		
	2. Giao tiếp và hợp tác	77	50	64,9	27	35,1		
	3. GQVĐ và sáng tạo	77	50	64,9	27	35,1		
Năng lực đặc thù (7 NL)	1. Năng lực Ngôn ngữ	77	50	64,9	27	35,1		
	2. Năng lực Tính toán	77	45	58,4	32	41,6		
	3. Năng lực Khoa học	77	47	61,0	30	39,0		
	4. Năng lực Thẩm mỹ	77	50	64,9	27	35,1		
	5. Năng lực Thể chất	77	51	66,2	26	33,8		
	6. Năng lực Công nghệ	0						
	7. Năng lực Tin học	0						

Chỉ tiêu về năng lực, phẩm chất đối với khối 3

Nội dung đánh giá		TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Phẩm chất (5 PC)	1. Yêu nước	107	107	100,0	0	0,0		
	2. Nhân ái	107	107	100,0	0	0,0		
	3. Chăm chỉ	107	54	50,5	53	49,5		
	4. Trung thực	107	107	100,0	0	0,0		

	5. Trách nhiệm	107	56	52,3	51	47,7		
Năng lực chung (3 NL)	1. Tự chủ và tự học	107	56	52,3	51	47,7		
	2. Giao tiếp và hợp tác	107	56	52,3	51	47,7		
	3. GQVĐ và sáng tạo	107	57	53,3	50	46,7		
Năng lực đặc thù (7 NL)	1. Năng lực Ngôn ngữ	107	55	51,4	52	48,6		
	2. Năng lực Tính toán	107	55	51,4	52	48,6		
	3. Năng lực Khoa học	107	55	51,4	52	48,6		
	4. Năng lực Thẩm mỹ	107	55	51,4	52	48,6		
	5. Năng lực Thể chất	107	55	51,4	52	48,6		
	6. Năng lực Công nghệ	0						
	7. Năng lực Tin học	0						

Chỉ tiêu về năng lực, phẩm chất đối với khối 4

Nội dung đánh giá		TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Năng lực (3 NL)	1. Tự phục vụ, tự quản	109	26	23,9	83	76,1	0	
	2. Hợp tác	109	26	23,9	83	76,1	0	
	3. Tự học và GQVĐ	109	25	22,9	84	77,1	0	
Phẩm chất (4 PC)	1. Chăm học, chăm làm	109	33	30,3	76	69,7	0	
	2. Tự tin, trách nhiệm	109	26	23,9	83	76,1	0	
	3. Trung thực, kỉ luật	109	31	28,4	78	71,6	0	
	4. Đoàn kết, yêu thương	109	30	27,5	79	72,5	0	

Chỉ tiêu về năng lực, phẩm chất đối với khối 5

Nội dung đánh giá		TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Năng lực (3 NL)	1. Tự phục vụ, tự quản	102	21	20,6	81	79,4		
	2. Hợp tác	102	23	22,5	79	77,5		
	3. Tự học và GQVĐ	102	21	20,6	81	79,4		
Phẩm chất (4 PC)	1. Chăm học, chăm làm	102	25	24,5	77	75,5		
	2. Tự tin, trách nhiệm	102	24	23,5	78	76,5		
	3. Trung thực, kỉ luật	102	31	30,4	71	69,6		
	4. Đoàn kết, yêu thương	102	33	32,4	69	67,6		